

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 01 - 2020

“Về việc Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phồn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Viết Tùng

Ông Trần Đình Đường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 169/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bành Văn C, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Xóm 9, xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Xóm 9, xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An; địa chỉ cư trú hiện tại: Sendaishi Wakabashiku Motochabatake 3-4 Tayamahaitsu 102, Nhật Bản; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Hồng K, sinh năm 1958; địa chỉ cư trú: Xóm 9, xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Bành Văn C trình bày:

Anh Bành Văn C và chị Trần Thị H tìm hiểu và kết hôn tự nguyện với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 02 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh C, chị H sống chung với nhau tại gia đình nhà chồng ở Xóm 9, xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An. Sau đó, anh C đi làm việc tại Hàn Quốc, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, tình cảm hòa thuận với nhau. Tháng 4 năm 2018, chị H đi du học ở Nhật Bản, hai vợ

chồng vẫn liên lạc bình thường nhưng đến tháng 8 năm 2018, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do xa nhau lâu ngày, có nhiều chuyện xích mích xảy ra. Từ tháng 10 năm 2018, vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay, anh C thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị H.

Về con chung: Anh Bành Văn C và chị Trần Thị H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Bành Văn C và chị Trần Thị H không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị H hiện đang sinh sống, làm việc tại Nhật Bản và có bản tự khai trình bày: Chị H thừa nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như anh C trình bày. Tháng 8 năm 2018, chị H đi du học tại Nhật Bản và từ tháng 10 năm 2018 thì không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay, chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục hàn gắn, anh C yêu cầu ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Bành Văn C không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị H và anh Bành Văn C không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại, vì lý do công việc nên chị H không thể về nước và có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn được. Do đó, chị H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị. Đồng thời, chị H có ủy quyền và đề nghị Tòa án gửi các văn bản tố tụng cho ông Trần Hồng K, sinh năm 1958 (là bố đẻ của chị H) tại Xóm 9, xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An để ông K nhận và gửi lại cho chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hồng K trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm trình bày: Ông K là bố đẻ của chị Trần Thị H, chị H hiện đang học tập, sinh sống tại Nhật Bản (địa chỉ như chị H đã ghi trong đơn trình bày ý kiến và xin xét xử vắng mặt ngày 22 tháng 10 năm 2019). Ông K đã được xem đơn của chị H và xác nhận chữ ký, chữ viết và điểm chỉ trong đơn là của chị H. Ông K đã nhận thông báo thụ lý vụ án và đã thông báo cho chị H biết về việc anh C nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Ông K cũng xác nhận chị H và gia đình thường xuyên liên lạc với nhau bằng điện thoại. Về các yêu cầu khởi kiện của anh C, ông K xác nhận chị H đồng ý ly hôn với anh C; về con chung, tài sản chung và nợ chung, chị H và anh C không có nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, chị H xin vắng mặt trong quá trình hòa giải, xét xử vụ án và có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết vụ án càng sớm càng tốt; các văn bản tố tụng Tòa án gửi cho chị H và các văn bản chị H gửi cho Tòa án, chị H ủy quyền cho ông K giao nhận thay thì ông K cũng đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc “Ly hôn”, không có tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung, Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc “Ly hôn” là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Bành Văn C có địa chỉ cư trú tại Xóm 9, xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Trần Thị H có địa chỉ cư trú tại Xóm 9, xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An và hiện đang sinh sống, làm việc tại Nhật Bản. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị H sinh sống, làm việc tại Nhật Bản, không thể về Việt Nam và có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H cũng đã gửi bản tự khai nêu ý kiến về yêu cầu của anh C, đồng thời ủy quyền cho ông Trần Hồng K (là bố đẻ của chị H) nhận các văn bản tố tụng. Ông K đã xác nhận về các nội dung chị H trình bày là đúng sự thật. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt chị H.

[2] Xét nội dung vụ án và các ý kiến, yêu cầu của các đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bành Văn C và chị Trần Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện; không ai bị ép buộc hay lừa dối; không thuộc trường hợp cấm kết hôn và hai người đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An ngày 27 tháng 02 năm 2015 nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại nhà chồng tại Xóm 9, xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An một thời gian. Sau đó, anh C đi làm việc tại Hàn Quốc, chị H đi du học tại Nhật Bản, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau. Tuy nhiên, từ tháng 8 năm 2018, anh C, chị H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do xa cách lâu ngày và nay không còn tình cảm với nhau nữa. Sau đó, anh C về nước và ngày 18 tháng 11 năm 2019, đã nộp đơn xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết được ly hôn với chị H. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị H không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh C ly hôn và chị H cũng đồng ý. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho anh Bành Văn C và chị Trần Thị H được ly hôn với nhau.

Về con chung: Anh Bành Văn C và chị Trần Thị H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Bành Văn C và chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, các bên có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn anh Bành Văn C phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bành Văn C và chị Trần Thị H được ly hôn với nhau;

- Về con chung: Anh Bành Văn C và chị Trần Thị H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Bành Văn C và chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các bên có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc anh Bành Văn C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0003112 ngày 25 tháng 11 năm 2019.

3. Anh Bành Văn C và ông Trần Hồng K có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã Nam Cường;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Phồn